

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM

● PHAN THỊ THANH HUYỀN - HOÀNG ĐÌNH THẢO VY
- VÕ THỊ KIỀU NHƯ - TRẦN THỊ SANG SANG

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp xã hội của sinh viên Việt Nam, sử dụng mô hình xây dựng trên Lý thuyết nhận thức nghề nghiệp xã hội (SCCT) và Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB). Kết quả của 314 phiếu trả lời hợp lệ, qua phân tích PLS-SEM, cho thấy thái độ đóng vai trò quan trọng nhất đối với ý định khởi nghiệp xã hội. Nghiên cứu chỉ ra rằng ý định này của sinh viên Việt Nam phản ánh sự ảnh hưởng từ cả yếu tố cá nhân lẫn tác động xã hội, cũng như sự hỗ trợ từ các cơ sở giáo dục đại học.

Từ khóa: ý định khởi nghiệp xã hội, năng lực bản thân, sinh viên Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Khởi nghiệp xã hội đã dần trở nên quan trọng như một lĩnh vực nghiên cứu và hiện tượng xã hội. Khởi nghiệp xã hội được nhiều nhà nghiên cứu ủng hộ và xem như một chiến lược tiềm năng để giải quyết các vấn đề nhu cầu xã hội. Điều này đặc biệt phù hợp ở các nước đang phát triển, nơi mà khởi nghiệp thịnh hành và được coi là một cách để giảm thiểu các vấn đề xấu trong xã hội.

Theo báo cáo vào 2019 của Ngân hàng Thế giới, gần 1/4 dân số toàn cầu, sống dưới mức nghèo 3,65 USD [10]. Thực trạng về phát triển con người, tiếp cận giáo dục, phúc lợi xã hội và các vấn đề xã hội, bất bình đẳng kinh tế giữa những nước giàu nhất và nghèo nhất tiếp tục tăng cao. Thế nên, khởi nghiệp xã hội sẽ được chính phủ của các quốc gia trọng điểm coi như một trong những phương pháp giải quyết các vấn đề trên. Như vậy, nghiên cứu về ý định khởi nghiệp xã hội sẽ giúp giảm thất nghiệp,

tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội.

Tại Việt Nam, vấn đề khởi nghiệp xã hội được thực hiện trên tất cả lĩnh vực và mọi đối tượng nói chung và sinh viên nói riêng. Tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2023 bị giảm mạnh khiến các doanh nghiệp rơi vào thế bị động, doanh số bị giảm do các đơn hàng bị giảm hoặc hủy. Tổng cục Thống kê cho biết tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên 15 - 24 tuổi trong quý III năm 2023 là 7,86% [9].

Do đó trong bối cảnh thiếu hụt việc làm so với nguồn lao động, giải pháp cấp thiết là làm tăng ý định khởi nghiệp xã hội, đặc biệt là với sinh viên. Như vậy, nghiên cứu về ý định khởi nghiệp xã hội rất cần thiết, nhằm nâng cao ý định khởi nghiệp xã hội để giải quyết vấn đề thất nghiệp. Vì vậy, trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung vào phân tích các yếu tố ảnh hưởng và mức độ tác động của chúng đến ý định khởi nghiệp xã hội của sinh viên Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Ý định khởi nghiệp xã hội

Ý định là tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá và giải thích hành vi, là tiền đề và yếu tố quyết định hành vi kinh doanh. Ý định khởi nghiệp xã hội là một hành vi tâm lý của con người nhằm thuyết phục họ thu thập kiến thức, tiếp thu ý tưởng và thực hiện các kế hoạch kinh doanh xã hội để trở thành doanh nhân xã hội [7] và được xem là một nhánh trong nghiên cứu ý định khởi nghiệp.

Nghiên cứu này được thiết kế dựa trên lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) và lý thuyết nhận thức nghề nghiệp xã hội (SCCT). TPB cung cấp một khung lý thuyết có thể được sử dụng để đo lường phạm vi ý định rộng hơn và cho phép chúng ta hiểu ý định kinh doanh thông qua các yếu tố: thái độ, chuẩn mực chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi. SCCT lập luận rằng ý định thực hiện hành vi của một cá nhân phụ thuộc vào “Niềm tin vào năng lực bản thân” và “Kỳ vọng kết quả” - yếu tố mà TPB chưa giải thích được khi giải thích quá trình hình thành ý định kinh doanh. Nghiên cứu này tích hợp niềm tin vào năng lực cá nhân, kỳ vọng kết quả trong SCCT vào TPB và xem xét yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp xã hội.

2.2. Giả thuyết và mô hình đề xuất

Ý định thực hiện một hành động dựa trên thái độ cá nhân đối với hành vi đó [3]. Thái độ được hình thành bằng cách đánh giá tiềm năng kết quả của hành vi mục tiêu, nói cách khác, thái độ là tích cực khi kết quả hành vi được kỳ vọng là khả thi và tích cực. Trong nghiên cứu của Liguori và cộng sự (2020), những cá nhân có kỳ vọng về kết quả kinh doanh tích cực hơn sẽ thể hiện mức độ cao hơn của thái độ kinh doanh và ý định kinh doanh [5]. Từ lập luận trên, chúng tôi đề xuất giả thuyết:

H1: Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp xã hội. (ATT -> SEI)

Trong bối cảnh khởi nghiệp, Niềm tin vào năng lực bản thân đề cập đến kiến thức và kỹ năng của bản thân trong thành

lập và điều hành một doanh nghiệp mới [8]. Theo SCCT, SELF có mối liên hệ chặt chẽ với OUT, cụ thể hơn, OUT tỷ lệ thuận với SELF. Bên cạnh việc thúc đẩy ý định thực hiện hành vi, Niềm tin vào năng lực bản thân còn làm tăng Kỳ vọng kết quả. Chang và cộng sự (2021) đã chứng minh được mối quan hệ tích cực giữa Niềm tin năng lực bản thân và Kỳ vọng kết quả trong bối cảnh khởi nghiệp xã hội [2]. Suy ra được, khi niềm tin vào những kỹ năng cần thiết cho việc khởi nghiệp xã hội như quản lý điều hành, lập kế hoạch kinh doanh, đàm phán và hợp tác,... đủ cao, họ tin rằng họ sẽ thành công khi khởi sự kinh doanh xã hội với các kỹ năng đó. Từ lập luận ở trên, chúng tôi đề xuất giả thuyết:

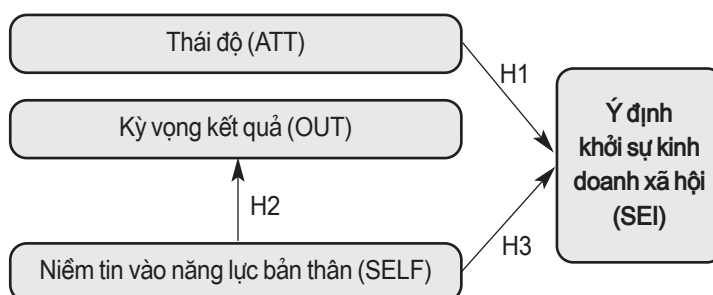
H2: Niềm tin vào năng lực bản thân tác động tích cực đến Kỳ vọng kết quả (SELF -> OUT).

Kỳ vọng kết quả đề cập đến niềm tin hoặc sự hình dung của cá nhân vào kết quả có thể xảy ra sau khi thực hiện hành vi, là một yếu tố dự báo quan trọng đối với ý định kinh doanh nói chung [5]. Kỳ vọng kết quả là yếu tố nền tảng để hình thành kỳ vọng, hỗ trợ tích cực trong định hướng, lựa chọn mục tiêu và chỉ ra rằng những người càng tin tưởng vào kết quả mong đợi, họ càng quan tâm và có ý định thực hiện hành vi. Blaese và cộng sự (2021) đã ủng hộ sự tác động tích cực của Kỳ vọng kết quả đến ý định khởi nghiệp, cũng chứng minh được ảnh hưởng tích cực của Kỳ vọng kết quả đến Ý định khởi nghiệp xã hội [1]. Từ những cơ sở trên, nghiên cứu đề xuất giả thuyết:

H3: Kỳ vọng kết quả tác động tích cực đến Ý định khởi nghiệp xã hội (OUT -> SEI).

Từ những giả thuyết trên, chúng tôi đề xuất mô hình như sau: (Hình 1)

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này kết hợp phương pháp định tính (dựa vào ý kiến chuyên gia và lý thuyết) và định lượng để kiểm tra đáng tin cậy của thang đo và đánh giá các biến nghiên cứu.

Sử dụng PLS SEM để phân tích mô hình cấu trúc, kiểm định mô hình và giả thuyết. Dữ liệu được thu từ 314 phản hồi hợp lệ qua bảng câu hỏi trực tuyến trên Google Form từ các nhóm sinh viên đại học, và phân tích bằng PLS-SEM. Thông tin nhân khẩu học được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Thống kê mô tả

Phân loại		Tần số	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	127	40.45
	Nữ	187	59.55
Sinh viên	Năm nhất	10	3.18
	Năm hai	45	14.33
	Năm ba	71	22.61
	Năm tư trở lên	188	59.87

Nguồn: Kết quả nghiên cứu

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả

Các chỉ số Cronbach's alpha > 0.7 và độ tin cậy tổng hợp (CR) > 0.8 đều biểu thị sự tin cậy cao trong mô hình nghiên cứu. Phương sai trung bình trích xuất (AVE) > 0.50 và hệ số tải ngoài của mỗi khái niệm đều vượt quá 0.729. Điều này không chỉ củng cố tính hợp lệ của mô hình nghiên cứu, mà còn chứng tỏ rằng các khái niệm được đo lường một cách chính xác và đáng tin cậy. Chỉ số VIF từ 1.369 đến 2.585, nằm trong giới hạn chấp nhận được. Do

đó, thang đo phù hợp để thực hiện bước phân tích tiếp theo. (Bảng 2)

Trong nghiên cứu này, phương pháp Bootstrapping với N = 5000 được áp dụng để đánh giá mức độ tin cậy của các biến. Dựa vào Bảng 3, có thể thấy tất cả các hệ số hồi quy đều mang dấu dương cho thấy các biến độc lập có tác động cùng chiều đến SEI. Các giả thuyết đều có giá trị p dưới 0.05, tức là có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 95%. Vì thế, tất cả các giả thuyết đều được chấp nhận.

Bảng 3. Kiểm định giả thuyết

Giả thuyết	Hệ số hồi quy chuẩn hoá	Giá trị p	Kết quả
H1: ATT -> SEI	.435	.000	Chấp nhận
H2: SELF -> OUT	.183	.000	Chấp nhận
H3: OUT -> SEI	.156	.004	Chấp nhận

Nguồn: Kết quả nghiên cứu

4.2. Thảo luận

Thái độ là yếu tố tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ($\beta = 0.435$). Sinh viên với thái độ về khởi nghiệp tích cực có thể dẫn đến ý định thực hiện khởi nghiệp xã hội cũng sẽ cao [4]. Điều này do khi sinh viên có thái độ tích cực với việc khởi nghiệp sẽ cố gắng nâng cao các kỹ năng, kiến thức, phát triển bản thân để tăng cao khả năng khởi nghiệp thành công.

Niềm tin vào năng lực bản thân tác động đến kỳ vọng kết quả ($\beta = 0.183$) và kỳ vọng kết quả ảnh hưởng ý định khởi nghiệp xã hội ($\beta = 0.156$) cho thấy sinh viên càng tự tin vào khả năng của chính

Bảng 2. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Khái niệm	CA	CR	AVE	Hệ số tải ngoài	VIF
Thái độ (ATT)	.777	.854	.594	.731 ~ .819	1.369 ~ 1.680
Kỳ vọng kết quả (OUT)	.871	.905	.657	.739 ~ .869	1.570 ~ 2.585
Niềm tin vào năng lực bản thân (SELF)	.839	.880	.549	.729 ~ .756	1.491 ~ 1.813
Ý định khởi sự kinh doanh xã hội (SEI)	.861	.906	.707	.756 ~ .891	1.649 ~ 2.510

Nguồn: Kết quả nghiên cứu

mình thì sự kỳ vọng của họ đối với kết quả khởi nghiệp thành công sẽ ở mức khá cao. Sự tin tưởng vào năng lực bản thân thể hiện sinh viên đã sẵn sàng sau khi trau dồi bản thân với các kỹ năng cần thiết trong việc khởi nghiệp và sự tin tưởng này sẽ dẫn đến mức độ kỳ vọng cao [6]. Khi sinh viên với mức độ kỳ vọng cao, họ sẽ nhận thấy, đánh giá khách quan kết quả kỳ vọng đến từ việc khởi nghiệp xã hội một cách toàn diện.

5. Kết luận

Nghiên cứu này tìm ra các yếu tố ảnh hưởng tới

ý định khởi nghiệp xã hội bao gồm thái độ, kỳ vọng kết quả và yếu tố niềm tin vào năng lực bản thân tác động đến yếu tố kỳ vọng kết quả. Trong đó, thái độ là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp xã hội, tiếp đến là mức độ kỳ vọng cao dẫn đến ý định khởi nghiệp xã hội cao. Niềm tin vào năng lực bản thân tác động tích cực đến kỳ vọng kết quả. Như vậy, các trường đại học cần có định hướng về khởi nghiệp cho sinh viên thông qua các chương trình đào tạo, cũng như chính phủ với các chính sách hỗ trợ cho việc khởi nghiệp xã hội ■

Ghi chú: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh dưới mã đề tài T2023.08.2

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Blaese, R., Noemi, S., & Brigitte, L. (2021). Should I Stay, or Should I Go? Job satisfaction as a moderating factor between outcome expectations and entrepreneurial intention among academics. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 2021, 1-30.
2. Chang, Y., Peng, X. E., & Liang, C. (2021). Transforming Nonprofit Organisations into Social Enterprises: An Experience-Based Follow-Up Study. *VOLUNTAS: International Journal of Voluntary and Nonprofit Organizations*, 32(1), 3-12.
3. Ernst, K. (2011). Heart over mind-An empirical analysis of social entrepreneurial intention formation on the basis of the theory of planned behaviour. Doctoral dissertation, Universit-tsbibliothek Wuppertal, Wuppertal University, Wuppertal, Germany.
4. Kesumahati, E. (2021). Social Entrepreneurship Intention During Covid-19 Crisis Among University Students: a Case Study From Indonesia. Doctoral dissertation, Udayana University, Bali, Indonesia.
5. Liguori, E. W., Winkler, C., Vanevenhoven, J., Winkel, D., & James, M. (2020). Entrepreneurship as a career choice: Intentions, attitudes, and outcome expectations. *Journal of Small Business & Entrepreneurship*, 32(4), 311-331.
6. Luc, P. T. (2020). Outcome expectations and social entrepreneurial intention: Integration of planned behavior and social cognitive career theory. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business (JAFEB)*, 7(6), 399-407.
7. Mair, J., & Noboa, E. (2006). Social entrepreneurship: How intentions to create a social venture are formed. In *Social entrepreneurship* (pp. 121-135). Palgrave Macmillan, London.
8. Santos, S. C., & Liguori, E. W. (2019). Entrepreneurial self-efficacy and intentions: Outcome expectations as mediator and subjective norms as moderator. *International Journal of Entrepreneurial Behavior & Research*, 26(3), 400-415.
9. Tổng cục Thống kê. (2023). Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý III và 9 tháng năm 2023. Truy cập tại: <https://www.gso.gov.vn/du-licu-va-so-licu-thong-ke/2023/09/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-va-9-thang-nam-2023/>
10. World Bank. (2022). Half of the global population lives on less than US\$6.85 per person per day. Truy cập tại: <https://blogs.worldbank.org/developmenttalk/half-global-population-lives-less-us685-person-day>

Ngày nhận bài: 12/11/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 23/11/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 13/12/2023

Thông tin tác giả:

1. ThS. PHAN THỊ THANH HUYỀN

2. ThS. HOÀNG ĐÌNH THẢO VY

3. ThS. VÕ THỊ KIỀU NHƯ

4. TRẦN THỊ SANG SANG

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

FACTORS AFFECTING THE SOCIAL ENTREPRENEURIAL INTENTIONS OF VIETNAMESE STUDENTS

● Master. PHAN THI THANH HUYEN¹

● Master. HOANG DINH THAO VY¹

● Master. VO THI KIEU NHU¹

● TRAN THI SANG SANG¹

¹Ho Chi Minh City Open University

ABSTRACT:

This study explored the factors influencing the social entrepreneurship intentions of Vietnamese students. In this study, a research model was developed based on the Social Cognitive Career Theory (SCCT) and the Theory of Planned Behavior (TPB). Results from 314 valid responses, which were analyzed through PLS-SEM, indicated that attitude is the most influential factor. The study also found that the social entrepreneurship intentions of Vietnamese students reflect influences from both individual factors and social impacts, as well as support from higher education institutions.

Keywords: social entrepreneurship intention, self-efficacy, Vietnamese student.